



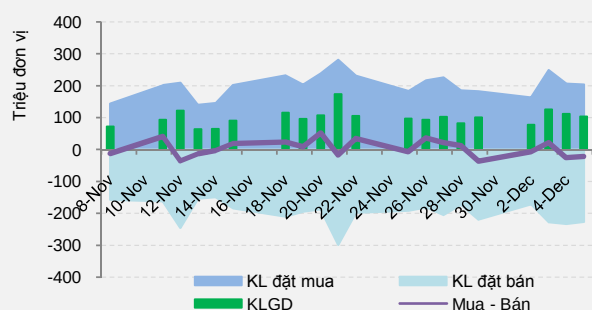
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 5/12/2013

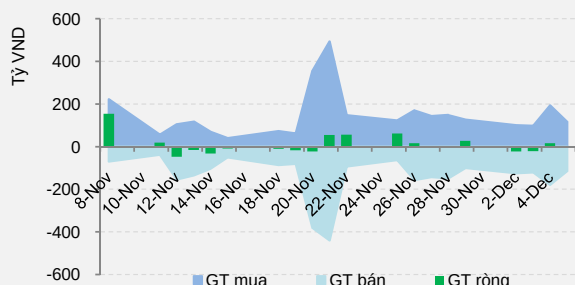
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	510.0	66.1
% Thay đổi	↓ -0.2%	↓ -0.1%
KLGD (CP)	103,881,666	43,352,428
GTGD (tỷ đồng)	1,377.79	324.53
Tổng cung (CP)	225,836,080	93,199,300
Tổng cầu (CP)	204,247,130	79,734,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,755,576	176,700
KL mua (CP)	3,539,706	384,435
GTmua (tỷ đồng)	116.89	3.74
GT bán (tỷ đồng)	114.39	1.61
GT ròng (tỷ đồng)	2.51	2.13

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.73%	7.3	1.7	5.7%
Công nghiệp	↓ -0.05%	230.5	1.1	22.5%
Dầu khí	↓ -1.26%	7.6	1.4	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.29%	14.1	1.9	2.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.41%	8.9	2.9	2.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.23%	12.5	5.1	9.2%
Ngân hàng	↓ -1.01%	10.9	1.3	3.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.05%	10.0	2.0	8.2%
Tài chính	↑ 0.02%	16.0	2.4	37.8%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.01%	8.9	3.3	6.6%
VN - Index	↓ -0.17%	12.9	3.0	80.9%
HNX - Index	↓ -0.08%	17.0	1.6	19.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,636,180	1.5%	1,531,980	1.4%
GTGD (triệu VND)	43,966	3.0%	35,644	2.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục diễn biến điều chỉnh giảm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Lực cầu mua vào đã mạnh lên đáng kể, khi VN-Index giảm đến mốc hỗ trợ 507 điểm, chạm đường trung bình MA12 ngày. Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu midcap, kỳ vọng KQKD Q4 khả quan, nhóm cổ phiếu có thời gian tích lũy, cũng như một số cổ phiếu nhỏ thuộc ngành nghề kỳ vọng được hỗ trợ như khu công nghiệp, BĐS... Đóng cửa thị trường, VN-Index tăng lên trên mức 510 điểm, mốc hỗ trợ tâm lý đã có thời gian tích lũy khá dài trong 2 tuần vừa qua.

Chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ khi tăng đến mốc cản kỹ thuật 66 điểm. Lực cầu mua vào có cải thiện khả khi HNX-Index giảm gần đường biên dưới của kênh tích lũy 65-66 điểm, đẩy HNX-Index đóng cửa sát với mức giá mở cửa. Nhìn chung áp lực cung giá cao tại ngưỡng cản kỹ thuật khá mạnh, nhưng lực cầu tham gia thị trường vẫn được đánh giá tích cực.

Thị trường dự báo tiếp tục giao dịch giằng co tích lũy trong phiên giao dịch ngày mai. Mốc 513 điểm đối với VN-Index, 66 điểm đối với HNX-Index dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quyết định lựa chọn cổ phiếu nên ưu tiên nhóm cổ phiếu Bluechips midcaps có thời gian tích lũy, dự báo KQKD Q4 tốt, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index giảm 0.85 điểm (0.17%), xuống 510.03 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 507.52 điểm.

- HNX-Index giảm nhẹ 0.05 điểm (0.07%), xuống 66.07 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 65.66 điểm.

- Tại Diễn đàn Đối tác Phát triển Việt Nam VDPF 2013, Thủ tướng Chính phủ đã phát biểu một số thông tin đáng chú ý. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2013 dự kiến đạt 5.4%, đưa tốc độ tăng trưởng bình quân 3 năm 2011-2013 đạt 5.6%. Trong hai năm 2014-2015, GDP của Việt Nam dự kiến tăng trưởng lần lượt ở mức 5.8% và 6%.

- Thủ tướng vừa ký phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đến năm 2015, có hiệu lực từ 2/12. Theo đó, SCIC sẽ nắm giữ và đầu tư dài hạn tại 4 doanh nghiệp (Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom), Sữa Việt Nam (Vinamilk), Dược Hậu Giang và Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam), nắm giữ cổ phần chi phối tại 24 doanh nghiệp. Còn lại 376 doanh nghiệp sẽ được SCIC thoái vốn đến năm 2015.

- Trong số doanh nghiệp thuộc diện thoái vốn, có khoảng trên 50 doanh nghiệp niêm yết, với tổng giá trị thị trường hiện tại là 11 nghìn tỷ. Lớn nhất trong số sẽ thoái vốn là khoản đầu tư vào Vinaconex, trị giá 2.7 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra còn có một số đơn vị đáng chú ý như Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Cổ phần FPT, Nhựa Bình Minh, Nhựa Thiếu niên Tiền Phong, Nhiệt điện Phả Lại... Thông tin SCIC thoái vốn ảnh hưởng đến tâm lý một bộ phận nhà đầu tư, khi quy mô cần thoái vốn không nhỏ. Tuy nhiên, hoạt động thoái vốn có lộ trình đến hết năm 2015. Mặt khác những doanh nghiệp chiếm tỷ trọng cao SCIC cần thoái vốn là những doanh nghiệp hoạt động khá tốt, tạo cung hàng cho nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, tác động tâm lý từ việc SCIC thoái vốn dự kiến sẽ không tác động nhiều đến thị trường.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 0.85 điểm (0.17%), xuống 510.03 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 507.52 điểm.

- KLGD giảm nhẹ 4% so với phiên trước, xuống 100 triệu đơn vị, tương đương mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 62 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục diễn biến điều chỉnh giảm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Lực cầu mua vào đã mạnh lên đáng kể, khi VN-Index giảm đến mốc hỗ trợ 507 điểm, chạm đường trung bình MA12 ngày. Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu midcap, kỳ vọng KQKD Q4 khả quan, nhóm cổ phiếu có thời gian tích lũy, cũng như một số cổ phiếu nhỏ thuộc ngành nghề kỳ vọng được hỗ trợ như khu công nghiệp, BĐS... Đón đầu của thị trường, VN-Index tăng lên trên mức 510 điểm, mốc hỗ trợ tâm lý đã có thời gian tích lũy khá dài trong 2 tuần vừa qua.

Thị trường dự báo tiếp tục giao dịch giằng co tích lũy trong phiên giao dịch ngày mai. Mốc 513 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quyết định lựa chọn cổ phiếu nên ưu tiên nhóm cổ phiếu Bluechips midcaps có thời gian tích lũy, dự báo KQKD Q4 tốt, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm nhẹ 0.05 điểm (0.07%), xuống 66.07 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 65.66 điểm.

- KLGD giảm 28% so với phiên trước, xuống 42 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI 14 giảm nhẹ xuống mức 79.8 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ khi tăng đến mốc cản kỹ thuật 66 điểm. Lực cầu mua vào có cải thiện khá khi HNX-Index giảm gần đường biên dưới của kênh tích lũy 65-66 điểm, đẩy HNX-Index đóng cửa sát với mức giá mở cửa. Nhìn chung áp lực cung giá cao tại ngưỡng cản kỹ thuật khá mạnh, nhưng lực cầu tham gia thị trường vẫn được đánh giá tích cực.

Áp lực cung giá cao dự kiến tiếp tục gia tăng trong phiên giao dịch ngày mai. Mốc 66 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quyết định lựa chọn cổ phiếu nên ưu tiên nhóm cổ phiếu Bluechips midcaps có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.18
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	12.92
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.00
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.40
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.73
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	38.82
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	48.99
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.17
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	43.70

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (%)
1	FCM	HOSE	22.69	0.0%	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20375.0%	17.1%	3.91
2	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.00
3	CLG	HOSE	86.07	308.9%	0.82	136.8%	257.96	357.4%	27.18	2886.8%	130.6%	8.46
4	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
5	SDP	HNX	191.78	121.3%	-0.11	95.7%	551.58	94.4%	3.9	1214.3%	64.0%	0.37
6	VCG	HNX	2700.72	121.8%	26.52	131.2%	8423.24	110.0%	123.22	995.3%	34.4%	4.18
7	FIT	HNX	11.62	0.0%	15.29	0.0%	34.62	318.5%	18.01	809.1%	76.1%	-
8	KSS	HOSE	28.94	31.0%	1.35	16.4%	184.1	72.1%	10.59	757.8%	30.3%	5.03
9	FLC	HOSE	348.4	186.3%	26.16	3270.0%	998.99	250.6%	46	631.3%	0.0%	1.68
10	VE1	HNX	12.91	122.8%	0.16	138.1%	41.69	176.1%	2.23	555.1%	63.7%	3.73

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI LỚN

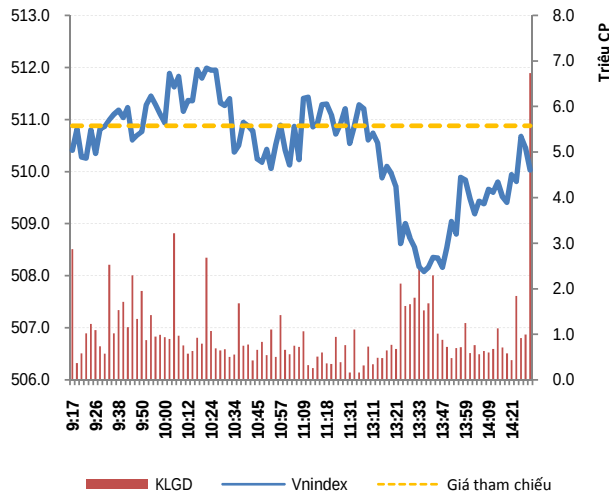
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (%)
1	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	-13.3%	76.0%	49.00
2	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	-63.9%	11.9%	49.00
3	SSI	HOSE	177.15	97.8%	94.2	207.9%	522.51	90.7%	350.46	16.9%	95.4%	49.00
4	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.00
5	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.00
6	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	48.99
7	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	257.0%	110.4%	47.95
8	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.73
9	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	43.70
10	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	38.82
11	CII	HOSE	391.4	435.7%	52.23	27.8%	563.1	298.8%	10.44	-97.1%	3.4%	38.80
12	DBC	HNX	1150.56	105.6%	55.16	311.5%	3390.68	83.4%	98.22	-62.6%	47.1%	38.75

Ghi chú: Chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

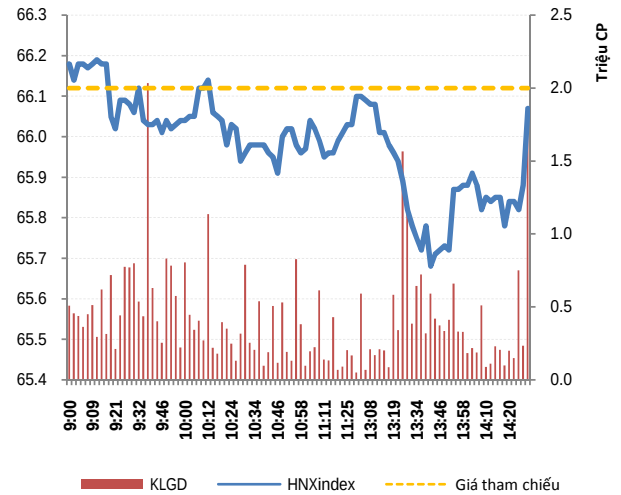
Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 02/12/2013



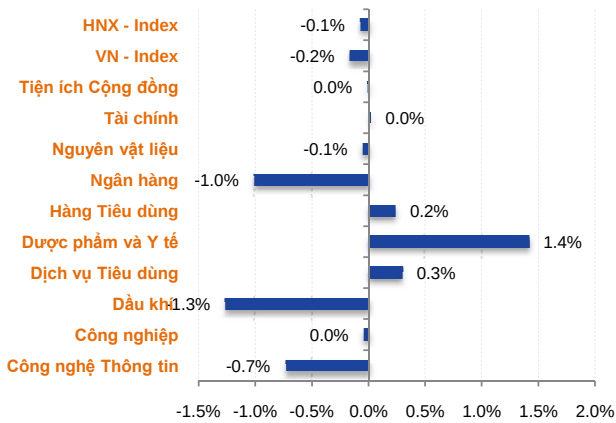
KLGD và VN-Index trong phiên



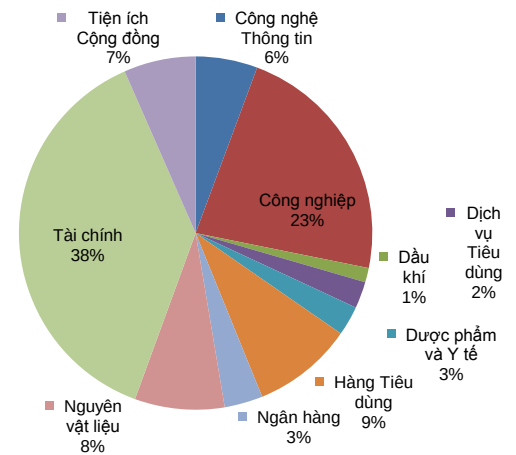
KLGD và HNX-Index trong phiên



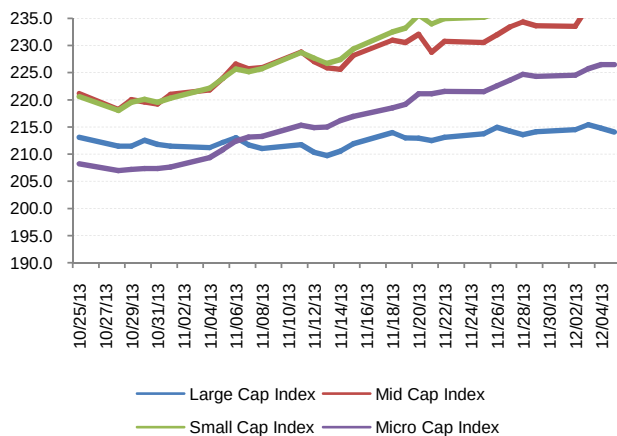
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



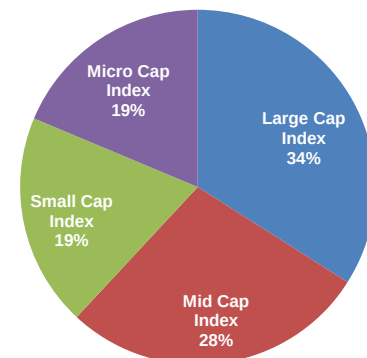
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GMD	466,140	HAG	1,229,650
2	VSH	276,650	HBC	232,280
3	OGC	250,000	VIC	113,320
4	HPG	170,810	CII	112,000
5	DQC	136,080	PTL	110,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIG	55,000	PVG	65,000
2	AAA	51,300	SHB	37,800
3	DAD	39,500	PVL	35,800
4	SDH	35,000	KLS	5,000
5	SED	26,800	RHC	2,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.7	6.8	↑ 1.49%	8,217,540
SAM	8.0	8.5	↑ 6.25%	6,076,920
FLC	7.9	8.0	↑ 1.27%	6,044,220
SSI	17.9	18.1	↑ 1.12%	3,762,210
HQC	7.2	7.1	↓ -1.39%	3,639,660

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLS	9.0	9.1	↑ 1.40%	5,138,984
APS	4.1	4.3	↑ 5.51%	3,384,400
SCR	7.2	7.1	↓ -0.96%	3,253,310
VIG	3.3	3.5	↑ 5.15%	3,228,400
ORS	2.7	2.8	↑ 3.07%	2,151,800

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HVX	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
GIL	26.0	27.8	1.8	↑ 6.92%
PNJ	27.8	29.7	1.9	↑ 6.83%
NBB	14.7	15.7	1.0	↑ 6.80%
TTP	20.6	22.0	1.4	↑ 6.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
SDN	20.0	22.0	2.0	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VMC	15.3	16.8	1.5	↑ 9.80%
DAC	4.1	4.5	0.4	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.3	1.2	-0.1	↓ -7.69%
KMR	8.6	8.0	-0.6	↓ -6.98%
HAS	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
SAV	15.0	14.0	-1.0	↓ -6.67%
MHC	4.7	4.4	-0.3	↓ -6.38%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LM7	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
SPI	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%
SRA	3.2	2.9	-0.3	↓ -8.81%
VPC	3.4	3.1	-0.3	↓ -8.71%
VCV	2.3	2.1	-0.2	↓ -8.70%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	8,217,540	0.2%	26	263.9	0.6
SAM	6,076,920	3.2%	590	14.4	0.5
FLC	6,044,220	6.3%	990	8.1	0.5
SSI	3,762,210	9.9%	1,471	12.3	1.2
HQC	3,639,660	4.2%	452	15.7	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	5,138,984	6.4%	810	11.4	0.8
APS	3,384,400	0.8%	69	64.0	0.5
SCR	3,253,310	-1.1%	(160)	-	0.5
VIG	3,228,400	1.0%	62	56.2	0.5
ORS	2,151,800	-0.4%	(36)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HVX	↑ 7.0%	3.5%	352	13.1	0.4
GIL	↑ 6.9%	6.9%	1,555	17.9	1.2
PNJ	↑ 6.8%	12.1%	2,505	11.9	1.7
NBB	↑ 6.8%	11.7%	6,479	2.4	0.4
TTP	↑ 6.8%	6.3%	2,236	9.8	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVC	↑ 12.5%	442.9%	(8,371)	-	(0.2)
SDN	↑ 10.0%	27.7%	4,831	4.6	1.3
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
VMC	↑ 9.8%	2.6%	796	21.1	0.5
DAC	↑ 9.8%	-29.8%	(5,428)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	466,140	4.3%	1,729	19.7	0.9
VSH	276,650	7.7%	963	14.9	1.1
OGC	250,000	-1.8%	(196)	-	1.1
HPG	170,810	18.6%	3,913	10.2	1.8
DQC	136,080	11.4%	3,846	8.9	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	55,000	1.0%	62	56.2	0.5
AAA	51,300	11.7%	3,436	5.2	0.7
DAD	39,500	27.5%	3,639	4.4	1.2
SDH	35,000	-8.1%	(611)	-	0.7
SED	26,800	24.1%	3,553	4.6	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	40.9%	6,696	9.7	3.7
VNM	118,353	40.5%	8,053	17.6	7.0
VIC	64,520	47.1%	6,710	10.6	4.0
VCB	63,729	9.8%	1,757	15.7	1.5
CTG	63,670	16.0%	2,287	7.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,130	17.3%	2,872	6.3	1.1
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,140	5.9%	687	37.4	2.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	4.90	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
AGF	2.70	6.2%	2,900	6.1	0.3
PPC	2.37	39.7%	6,105	3.9	1.5
OGC	2.37	-1.8%	(196)	-	1.1
HVG	2.33	11.7%	2,220	11.5	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.44	-0.2%	(21)	-	0.4
GGG	6.71	-566.7%	(1,900)	-	329.4
ITQ	6.18	0.4%	42	132.9	0.5
PVA	5.84	-142.4%	(6,367)	-	0.9
PFL	5.60	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)